TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH BẢO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 64/2020/QĐST-HNGĐ	*Vĩnh Bảo, ngày 03 tháng 4 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ vào các điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 88/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị Trần Thị Bích N; ĐKHKTT: Thôn VL1, xã TP, huyện VB, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện tại: Thôn TĐ, xã VQ, huyện VB, thành phố Hải Phòng.

2. Anh Bùi Trung Đ; nơi cư trú: Thôn VL1, xã TP, huyện VB, thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự thụ lý số 88/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2020 đã được thẩm tra tại phiên hòa giải và căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Bích N và anh Bùi Trung Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP, huyện VB, thành phố Hải Phòng từ ngày 07 tháng 01 năm 2019. Như vậy, hôn nhân này là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường

xuyên xảy ra cãi vã nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên khuyên giải và bản thân anh chị đã cố gắng khắc phục những mâu thuẫn nhưng không đạt kết quả. Nay chị N và anh Đ đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn. Xét thấy, việc thuận tình ly hôn giữa chị N và anh Đ được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 25 tháng 3 năm 2020 là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Bích N và anh Bùi Trung Đ.

[2] Về con chung: Chị N và anh Đ có 01 con chung là Bùi Trung N, sinh ngày 07 tháng 11 năm 2019. Khi ly hôn, anh chị thỏa thuận: Anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Xét thấy, sự thỏa thuận này là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, phù hợp với thực tế về điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của anh chị. Do đó, căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thỏa thuận về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của chị N và anh Đ.

[3] Về tài sản chung: Chị N và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Chị N và anh Đ thỏa thuận: Chị N xin nhận chịu cả lệ phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Xét, thỏa thuận trên phù hợp với quy định theo khoản 2 Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự nên chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Bích N và anh Bùi Trung Đ thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung Bùi Trung N, sinh ngày 07 tháng 11 năm 2019 cho anh Bùi Trung Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị N và anh Đ không yêu cầu giải quyết, Tòa án không xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị N xin nhận chịu cả 300.000 đồng tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm. Chị N đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng lệ phí Tòa án

theo Biên lai thu số 0008148 ngày 12 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Chị N đã nộp đủ tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Vĩnh Bảo;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Bảo;
- UBND xã TP, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng;
- Người yêu cầu;
- Lưu: HCTP, hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đinh Duy Việt